

Bản án số: 170/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 9 - 2020

V/v chị T xin ly hôn anh Ch

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Lê Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020. Về vụ án tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T - Sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh N

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch - Sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh N

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 24/6/2020 cũng như lời khai chị Hoàng Thị T trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Ch vào tháng 9/1991, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N Sau khi kết hôn, chị và anh Ch chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2003 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh

Ch hay uống rượu rồi đánh chửi chị. Anh Ch đã hai lần bị xử phạt tù về tội mua bán chất ma túy. Đã nhiều lần hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Ch không được cải thiện. Từ năm 2005 đến nay chị và anh Ch sống ly thân với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Ch không còn nên chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch. Về con chung giữa chị và anh Nguyễn Văn Ch có hai con chung là Nguyễn Văn Ch sinh ngày 19/7/1992 và Nguyễn Thị V sinh ngày 24/02/1994. Hiện cháu Ch và cháu V đã trưởng thành sống tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Ch và cháu V. Về tài sản chung giữa chị và anh Ch thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn Ch vắng mặt nhưng anh Ch có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Hoàng Thị T về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị T. Sau khi kết hôn anh và chị T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2000 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ năm 2005 đến nay anh và chị T sống ly thân nhau. Nay chị T xin ly hôn anh thì anh không nhất trí vì anh xác định tình cảm giữa anh và chị T vẫn còn. Về con chung giữa anh và chị Hoàng Thị T có hai con chung là Nguyễn Văn Ch sinh ngày 19/7/1992 và Nguyễn Thị V sinh ngày 24/02/1994. Hiện cháu Ch và cháu V đã trưởng thành sống tự lập được nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử lý hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn Ch. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị tuyên chị T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn Ch đều cư trú tại xã Nh, huyện N, tỉnh N, nay chị T xin ly hôn anh Ch và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải

quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn Ch vắng mặt nhưng anh Ch có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tiến hành xét xử vắng mặt anh Ch là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn Ch được tổ chức kết hôn vào tháng 9/1991, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị T và anh Ch chung sống hòa thuận đến năm 2003 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Ch không được cải thiện. Từ năm 2005 đến nay chị T và anh Ch đã sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Ch đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị T xin ly hôn anh Ch nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh Ch không nhất trí ly hôn chị T với lý do tình cảm vợ chồng vẫn còn, thấy không có căn cứ nên yêu cầu của anh Ch không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn Ch có hai con chung là Nguyễn Văn Ch sinh ngày 19/7/1992 và Nguyễn Thị V sinh ngày 24/02/1994. Hiện cháu Ch và cháu V đều đã trưởng thành sống tự lập được và chị T, anh Ch không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn Ch đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Hoàng Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn Ch.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Hoàng Thị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0001704 ngày 29/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh Ch. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKS huyện N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu án văn.

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Rạng

Lê Văn Chính

Trần Xuân Dũng